TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1553/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Hà D; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, phường A1, quận A2, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh B; nơi cư trú: B1, Đài Loan, Trung Quốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Hà D trình bày:

Chị và anh B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận A2, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn, chị và anh B có chung sống với nhau một tuần tại Việt Nam, sau đó anh B trở về Đài Loan để lo thủ tục bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ. Tuy nhiên, khoảng thời gian từ đó đến nay, vì lý do kinh tế không đảm bảo nên anh B đã không thể bảo lãnh được cho chị sang Đài Loan đoàn tụ. Đến nay thời gian chờ đợi đã lâu, chị và anh B mỗi người sống một nước, anh B không có ý định sang Việt Nam sống còn chị

thì không có cách nào để sang Đài Loan được nên khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh B không có con chung và không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh B trình bày thống nhất với chị Đoàn Thị Hà D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Anh B có quan điểm đồng ý với yêu cầu ly hôn mà chị D đưa ra. Anh B thống nhất lời khai với chị D về việc vợ chồng không có con chung và tài sản chung, cùng có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị Hà D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh B. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B hiện đang cư trú tại Đài Loan, Trung Quốc nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hà D và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân quận A2, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 01 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đoàn Thị Hà D và anh B cùng thống nhất xác định do vợ chồng có mâu thuẫn do mỗi người sống một nước, khả năng đoàn tụ không có nên trong quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nay, cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên việc chị Đoàn Thị Hà D có đơn xin ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận. Xét, mục đích hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Hà D và anh B không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Đoàn Thị Hà D đối với anh B.

[4] Về con chung và tài sản chung: Chị Đoàn Thị Hà D và anh B thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Hà D là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Hà D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hà D được ly hôn anh B.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Hà D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0001591 ngày 25 tháng 02 năm 2019. Chị Đoàn Thị Hà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị Hà D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND quận A2, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Tuyến